

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày 22/5/2023.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thanh Phương;
2. Hoàng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ri – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Võ Thị Hồng L, sinh năm: 1962. Địa chỉ: tổ 3, thôn X, xã Y, thành phố W, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

2. Bị đơn:

Bà Lê Thị L1, sinh năm: 1964. Địa chỉ: thôn Z, xã I, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông NLQ 1, sinh năm: 1962. Địa chỉ: tổ 3, thôn X, xã Y, thành phố W, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

3.2. Ông NLQ 2, sinh năm: 1964. Địa chỉ: thôn Z, xã I, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Võ Thị Hồng L trình bày:

Ngày 20/11/2021, bà cho bà Lê Thị L1 vay 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng), việc vay tiền bà L1 viết lại vào sổ theo dõi của bà với nội dung “**Chị L NLQ 1 20/11 gửi 930.000.000 (Chín trăm ba mươi triệu)**”, ký và ghi họ tên “Lê Thị L1”. Bà L1 nói với bà mục đích vay tiền là để cho người khác vay lại để hưởng tiền lãi, khi đến hạn trả nợ bà L1 sẽ cho bà hưởng một phần tiền lãi mà bà L1 nhận được từ việc cho người khác vay, do vậy, giữa các bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Thời hạn trả nợ tiền gốc, bà L1 nói vay đến cuối năm 2021 sẽ trả. Ngay sau khi bà L1 viết nội dung nhận nợ nói trên, bà đã giao số tiền 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng) cho bà L1. Bà L1 không cầm cố hoặc thế chấp cho bà giấy tờ hoặc tài sản gì.

Đến tháng 12/2021, bà nghe tin bà L1 hiện đang nợ rất nhiều người, do đó, bà nhiều lần yêu cầu bà L1 trả lại số tiền 930.000.000 đồng nhưng cho đến nay bà L1 vẫn chưa trả cho bà số tiền gốc và khoản tiền lãi nào.

Khi cho bà L1 vay tiền, bà chỉ giao dịch với bà L1, chồng bà L1 là ông NLQ 2 không tham gia nên không biết việc bà L1 vay tiền của bà, bà L1 có sử dụng số tiền vay vào mục đích chung của gia đình bà L1, ông NLQ 2 hay không thì bà cũng không rõ.

Số tiền nói trên là tài sản chung của bà và chồng bà là ông NLQ 1.

Do đó, nay bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà Lê Thị L1 phải trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng).

Bà không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu ông NLQ 2 liên đới trách nhiệm với bà L1 trả cho vợ chồng bà khoản vay nói trên.

Về chi phí giám định chữ ký: Do bà Lê Thị L1 không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Nên để chứng minh yêu cầu khởi kiện, bà Lê Thị L1 đã yêu cầu giám định chữ ký và nộp chi phí giám định là 2.790.000 đồng. Nay kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị L1 trong các giấy vay tiền là của bà L1 nên bà L tự nguyện chịu chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ 1 trình bày:

Ông và bà Võ Thị Hồng L là vợ chồng, ông cũng biết và đồng ý việc bà L cho bà L1 vay số tiền 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng).

Ông thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của bà Võ Thị Hồng L, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà Lê Thị L1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền vay gốc là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ 2 không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua lời khai của bà Võ Thị Hồng L, ông NLQ 1 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị L1 phải trả cho vợ chồng bà Võ Thị Hồng L, ông NLQ 1 số tiền vay gốc là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[2] Bà Võ Thị Hồng L nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án, hình thức và nội dung đơn phù hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Bà Võ Thị Hồng L yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị L1. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện người bị kiện là bà Lê Thị L1 có nơi cư trú tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NLQ 2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị L1, ông NLQ 2 theo thủ tục chung.

[5] Về yêu cầu trả tiền:

Bà Võ Thị Hồng L yêu cầu bà Lê Thị L1 phải trả cho bà và chồng là ông NLQ 1 số tiền nợ gốc 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng), mà bà L1 đã vay của bà L theo giấy có nội dung **“Chị L NLQ 1 20/11 gửi 930.000.000 (Chín trăm ba chục triệu)”**. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp, bà L đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ là 01 cuốn sổ có nội dung viết tay **“Chị L NLQ 1 20/11 gửi**

930.000.000 (Chín trăm ba chục triệu)”, chữ ký ghi họ tên “Lê Thị L1” (bút lục số 24).

Tòa án đã yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận tiến hành giám định đối với chữ ký, chữ viết mang tên “Lê Thị L1” tại tài liệu nêu trên.

Ngày 07/3/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận ban hành Kết luận giám định số 235/KL- KTHS, xác định: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị L1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (giấy có nội dung vay tiền do nguyên đơn cung cấp) so với chữ ký, chữ viết đúng tên Lê Thị L1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M, M1 là do cùng một người ký, viết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt đầy đủ theo quy định pháp luật các giấy triệu tập, thông báo và các văn bản tố tụng khác đối với bà Lê Thị L1, ông NLQ 2. Đồng thời tiến hành niêm yết công khai Kết luận giám định số 235/KL- KTHS cho bà Lê Thị L1, ông NLQ 2 theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Lê Thị L1, ông NLQ 2 không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Kết luận giám định số 235/KL- KTHS.

Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng L buộc bà Lê Thị L1 phải trả cho bà và chồng là ông NLQ 1 số tiền nợ gốc 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng) là có căn cứ.

[6] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Về trách nhiệm liên đới của ông NLQ 2: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa, bà Võ Thị Hồng L đều xác định khi cho bà L1 vay tiền, bà L chỉ giao dịch với bà L1, ông NLQ 2 không tham gia nên không biết việc bà L1 vay tiền. Bà L cũng chỉ nghe bà L1 nói vay tiền để cho người khác vay lại hưởng tiền lãi, nhưng thực tế bà L1 vay tiền và sử dụng tiền vào việc gì thì bà cũng không biết; do vậy bà chỉ yêu cầu cá nhân bà Lê Thị L1 trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng). Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật; do đó, căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không buộc ông NLQ 2 phải liên đới chịu trách nhiệm với bà Lê Thị L1 trong việc trả cho bà Võ Thị Hồng L, ông NLQ 1 số tiền vay còn nợ là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng).

[8] Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại các Điều 463, 464, 466 của Bộ luật dân sự; xét thấy bà Võ Thị Hồng L yêu cầu bà Lê Thị L1 phải trả cho bà và ông NLQ 1 số tiền nợ gốc 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí giám định: Tại phiên tòa, bà Võ Thị Hồng L tự nguyện chịu chi phí giám định là 2.790.000 đồng theo phiếu thu ngày 08/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu của bà Võ Thị Hồng L được Tòa án chấp nhận nên bà Lê Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 464, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu trả tiền: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng L; buộc bà Lê Thị L1 phải trả cho bà Võ Thị Hồng L và ông NLQ 1 số tiền vay còn nợ là 930.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi triệu đồng).

2. Về lãi suất do chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Bà Lê Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 39.900.000 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội